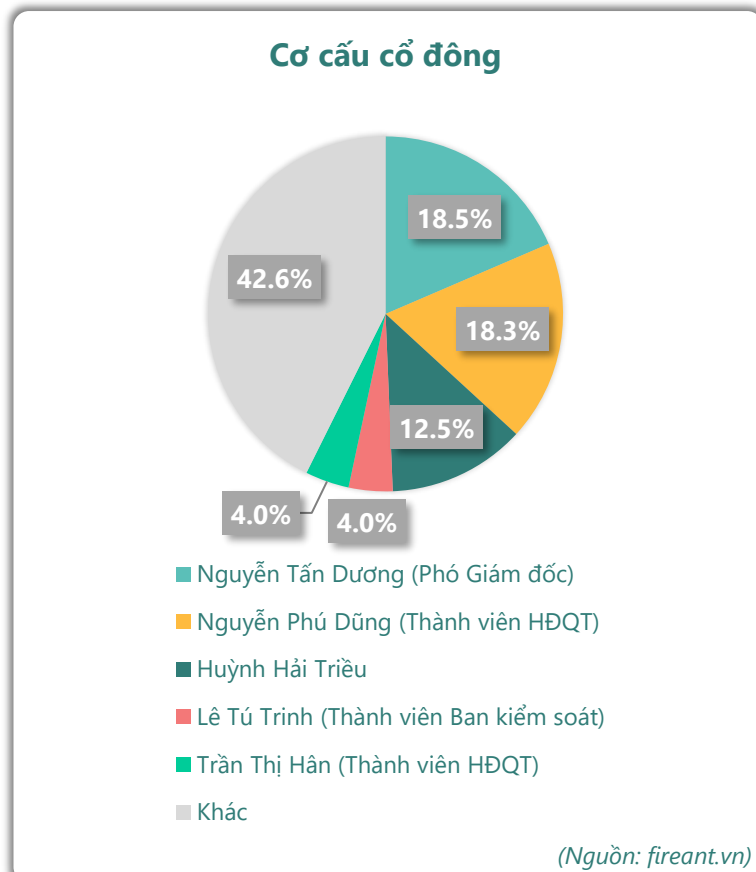
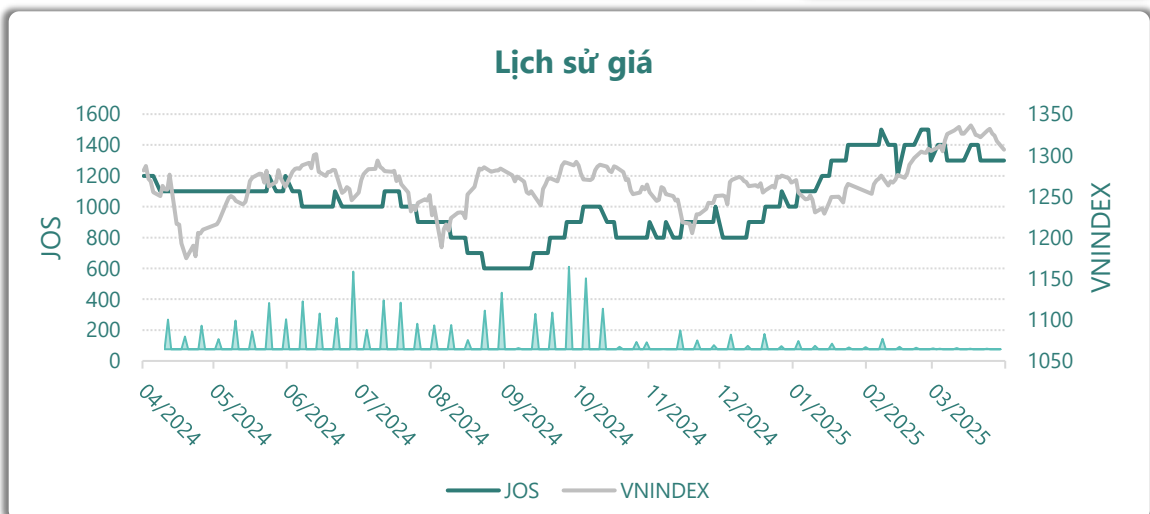
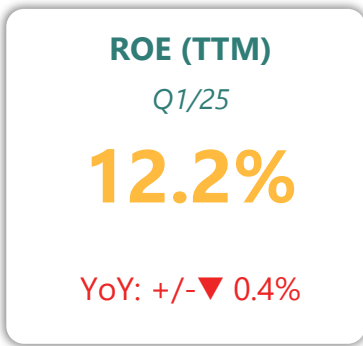
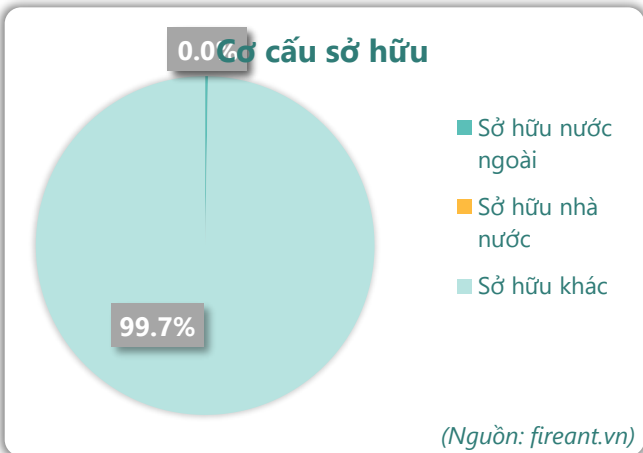


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

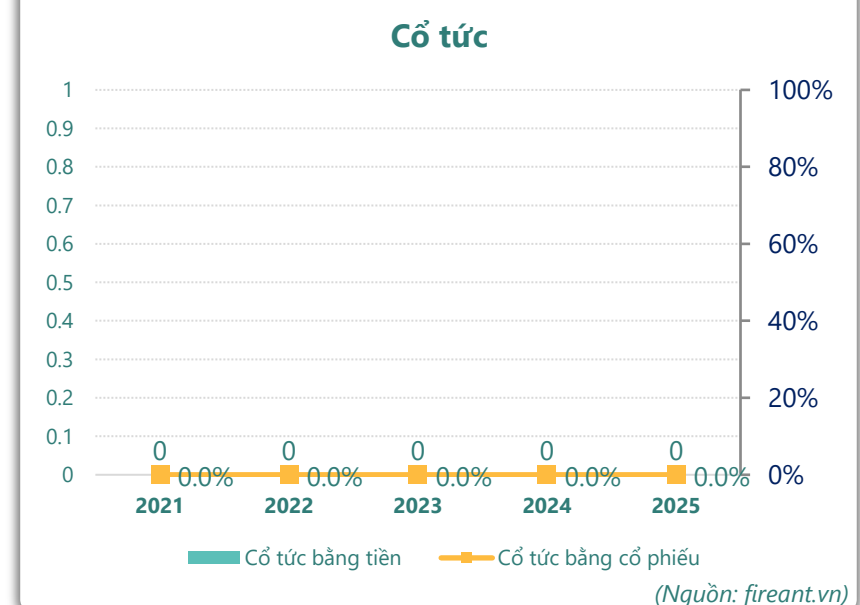
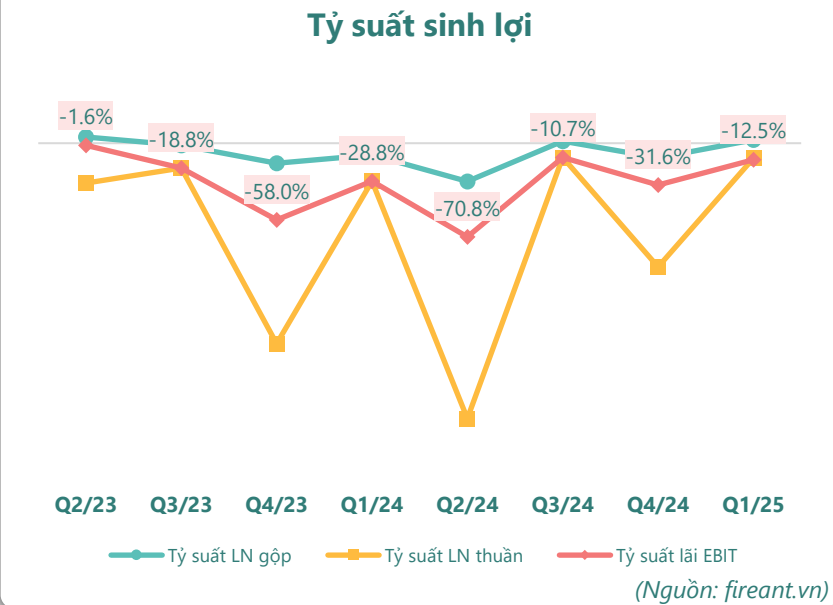
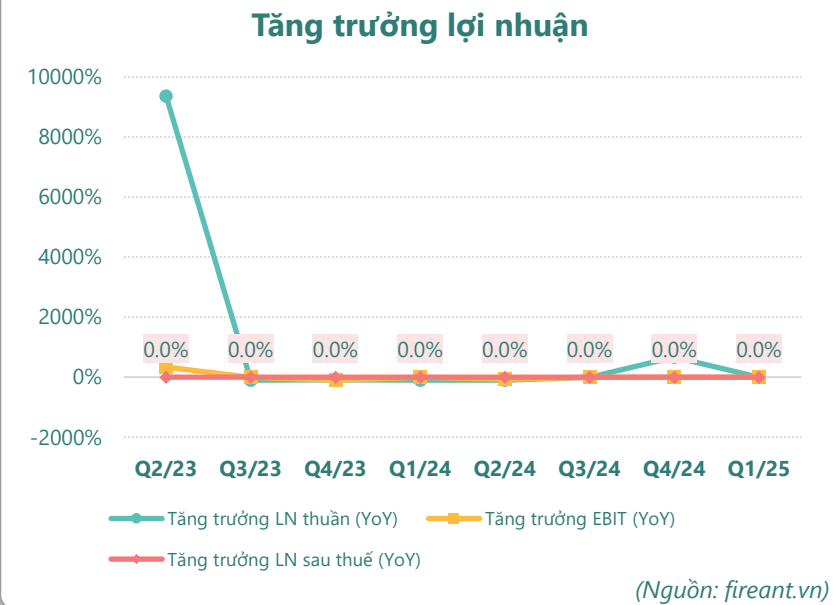
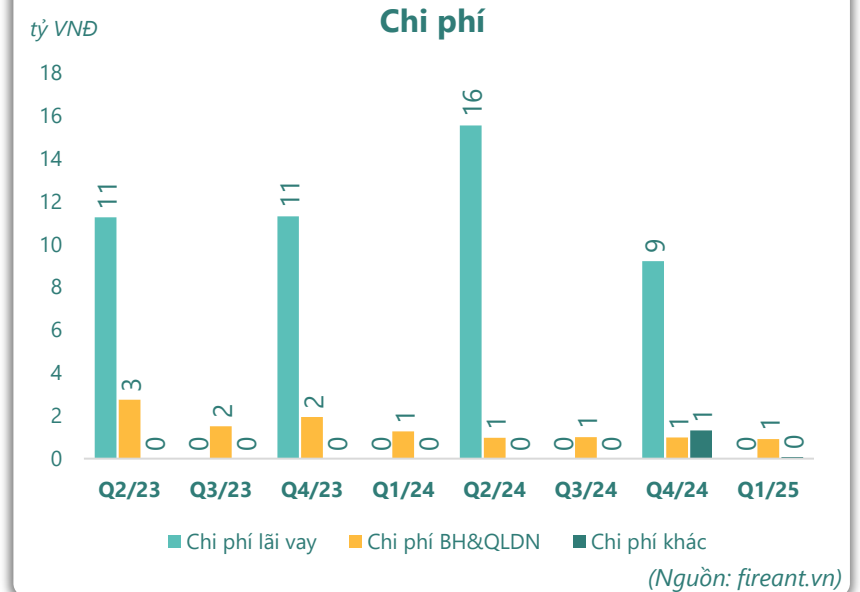
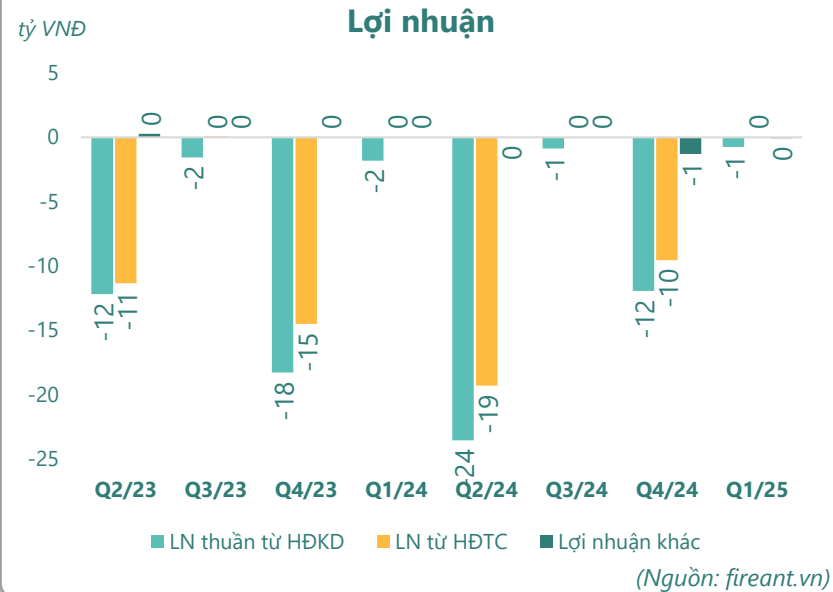
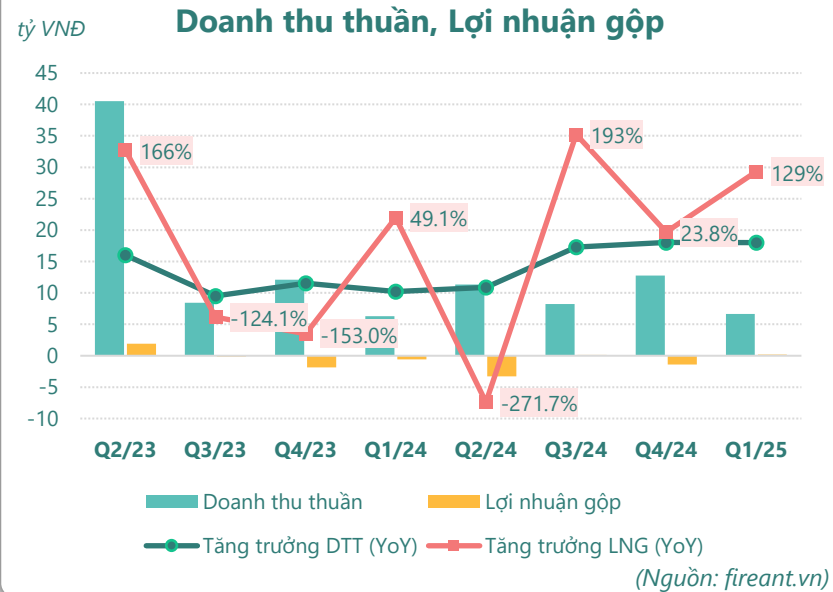
CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải

Ngày 31/03/2025	1,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.1%	30.0%	44.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
Số lượng CPLH (CP)	15,043,161
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,425
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.94
EPS	-2,562
P/E	-0.5



KẾT QUẢ KINH DOANH

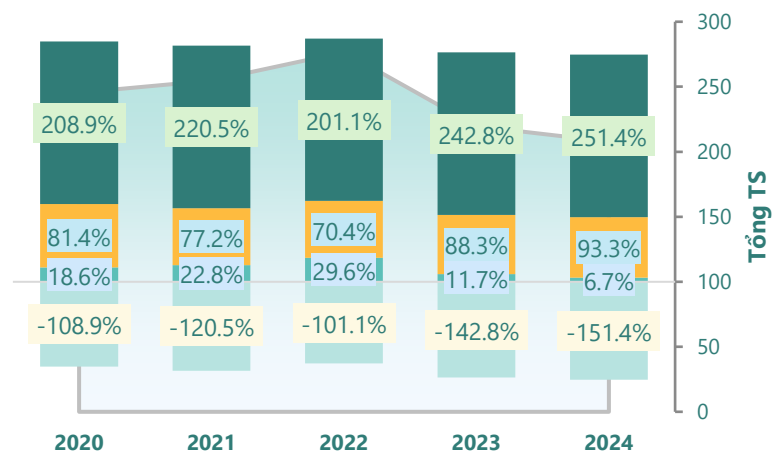




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

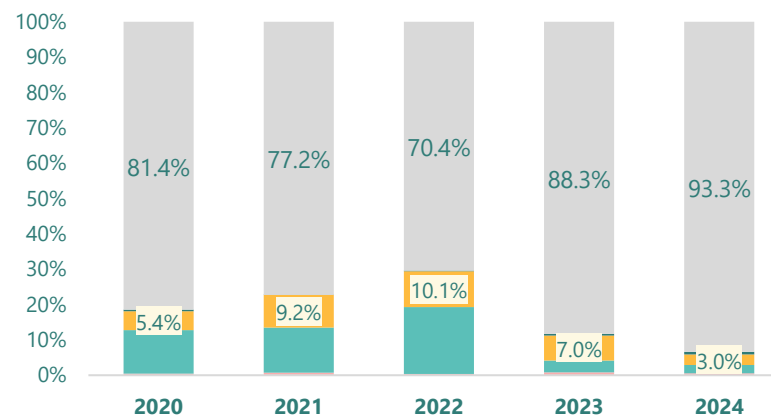
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

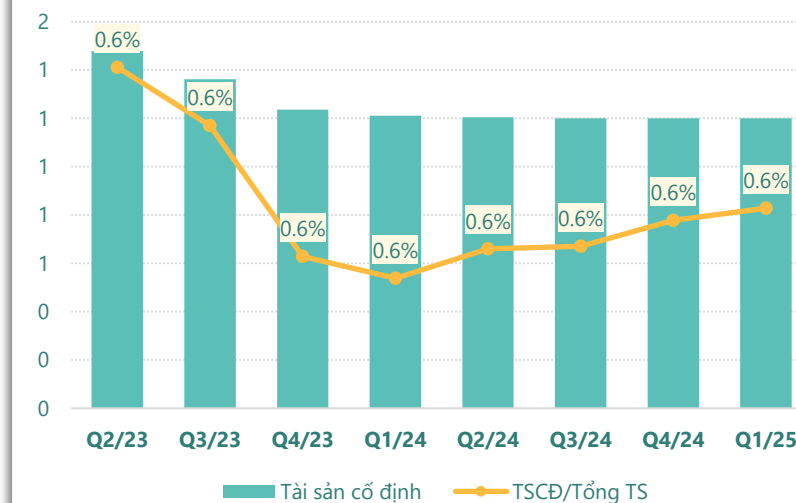


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

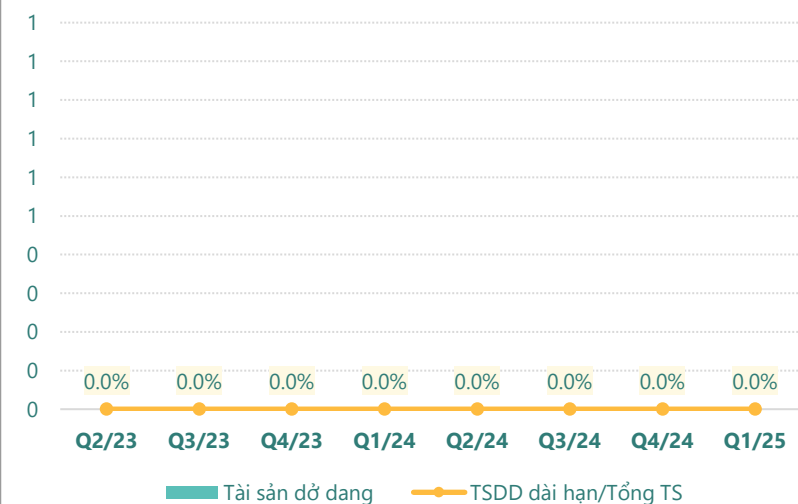
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

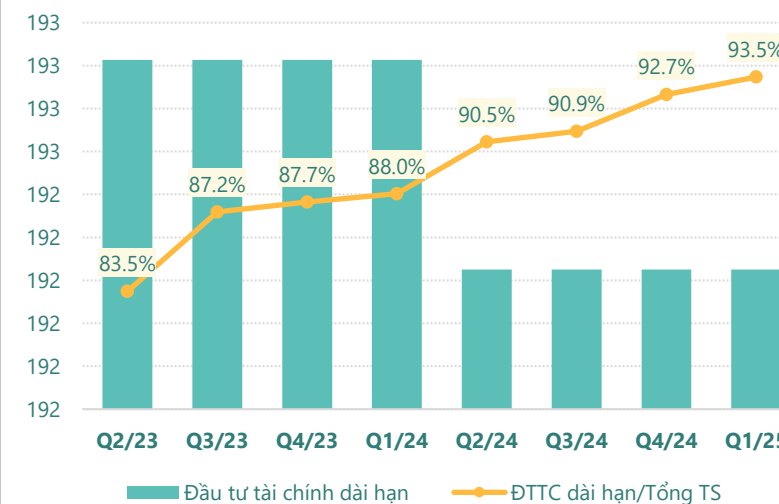


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

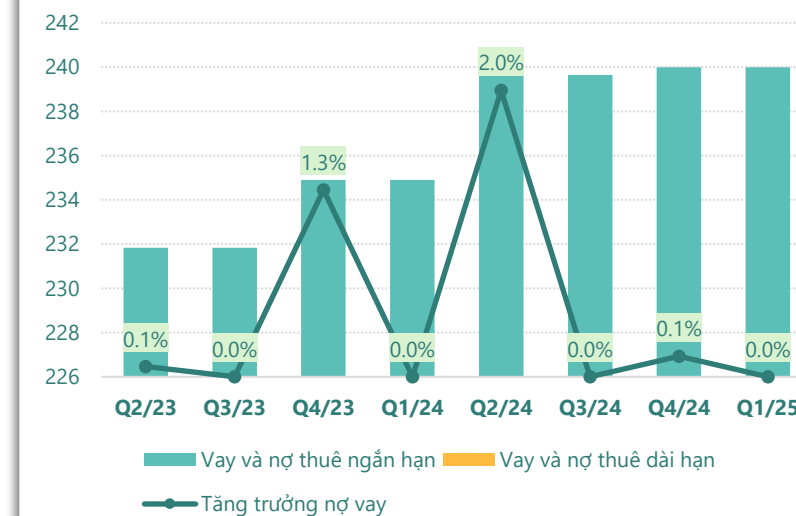


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

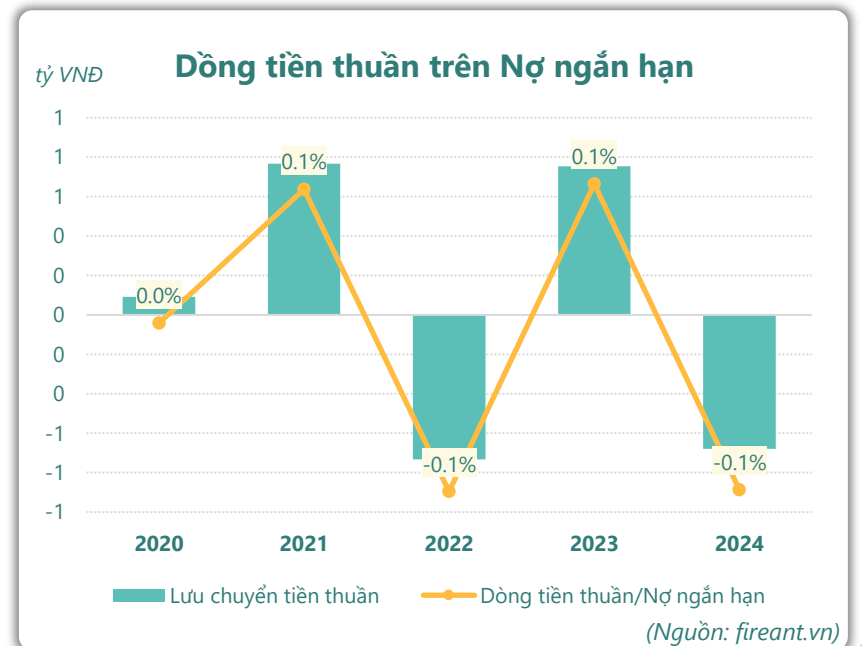
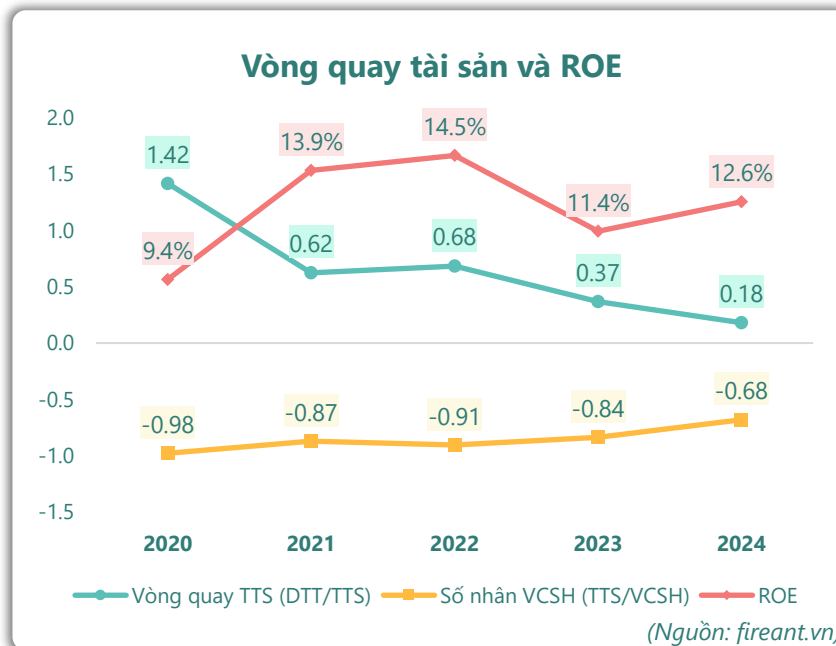
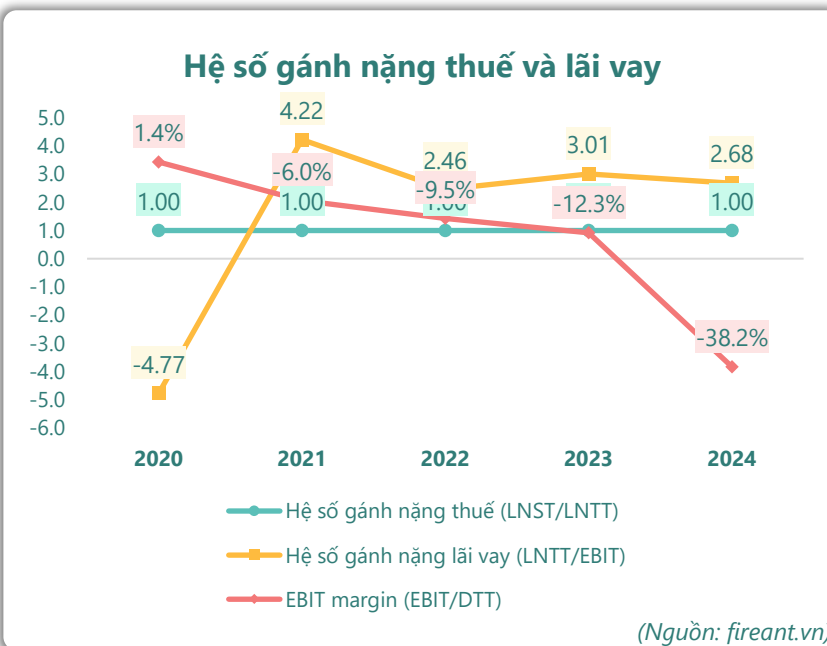
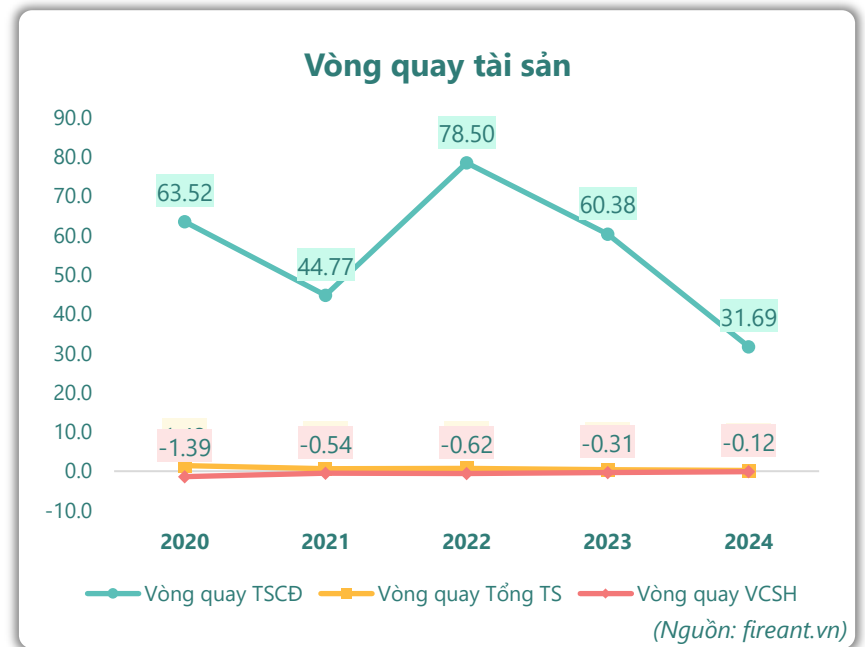
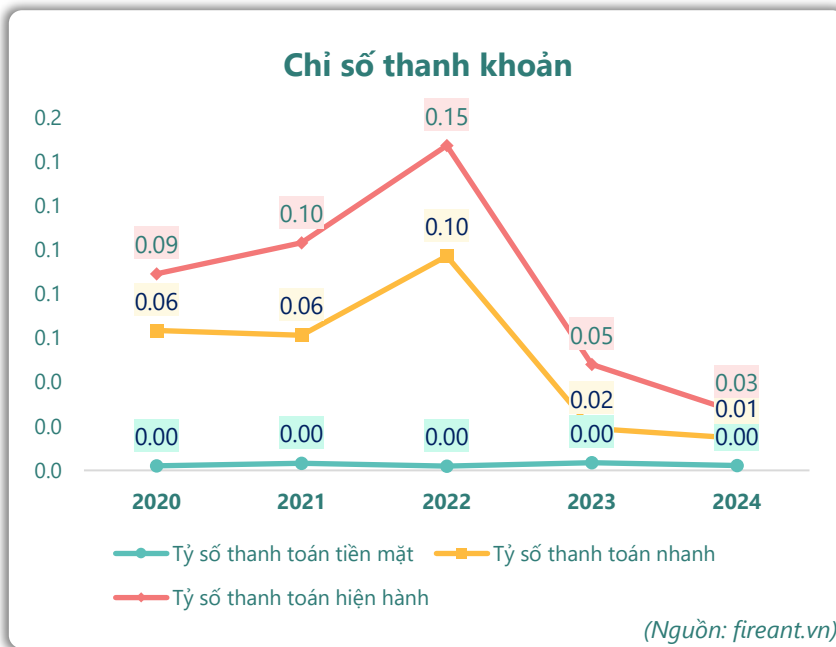
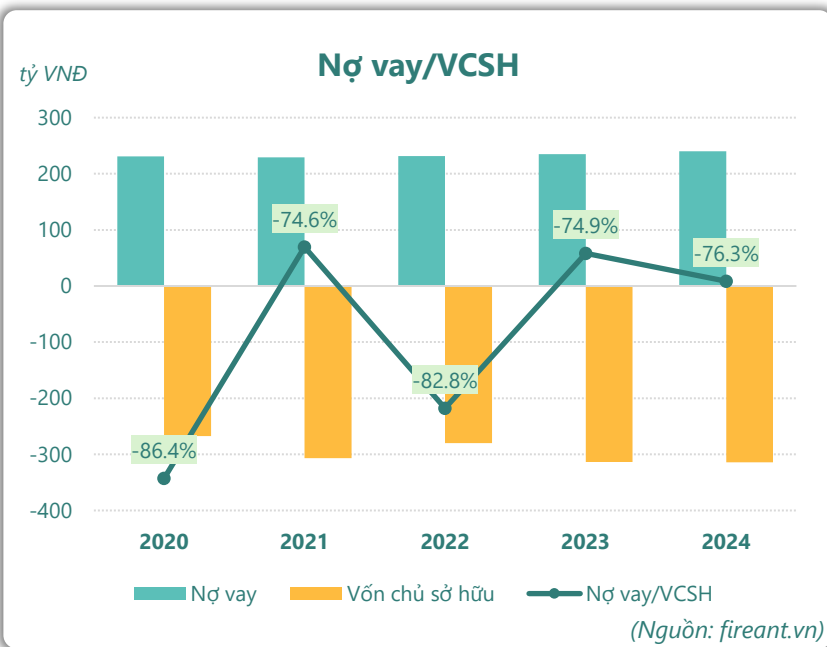
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.66	6.30	5.7%	38.6	91.4	-57.8%
Giá vốn hàng bán	6.50	6.86	-5.2%	43.7	92.6	-52.7%
Lợi nhuận gộp	0.16	-0.56	129%	-5.14	-1.16	-342%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-99.0%	0.74	0.19	283%
Chi phí TC	0	0.00		29.6	26.0	14.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		24.8	22.6	9.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.10	0.30	-67.3%	1.05	4.10	-74.4%
Chi phí QLDN	0.82	0.97	-15.8%	3.15	4.30	-26.8%
LN thuần từ HĐKD	-0.75	-1.81	58.3%	-38.2	-35.4	-8.1%
Lợi nhuận khác	-0.08	0.00		-1.30	1.56	-183%
LN trước thuế	-0.83	-1.81	54.1%	-39.5	-33.8	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	-0.83	-1.81	54.1%	-39.5	-33.8	-16.9%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.83	-1.81	54.1%	-39.5	-33.8	-16.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.56	-1.01	-1.01	0.85	0.48	-0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.81	-0.81	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.29	1.85	0.84	0.66	0.69	1.17
Lưu chuyển tiền thuần	0.56	-1.01	-0.19	0.04	0.48	-0.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	-0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	1.85	0.84	0.66	0.69	1.17	0.67

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	206	208	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	12.0	13.8	-13.2%
Tiền và tương đương tiền	0.67	1.17	-42.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.87	4.85	0.4%
Hàng tồn kho	5.16	6.17	-16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.28	1.62	-20.7%
Tài sản dài hạn	194	194	0.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.20	1.20	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	192	192	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.22	15.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	521	522	-0.2%
Nợ ngắn hạn	521	522	-0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	240	240	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.4	48.3	-12.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-315	-314	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	-315	-314	-0.3%
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

